chū chǎng

出厂

Verb · Leave the factory

Example Sentences

zhè liàng chē chū chǎng le
这 辆 车 出 厂 了。

This car has left the factory.

nǐ zhī dào zhè kuǎn xīn diàn nǎo shén me shí hòu chū chǎng ma
你 知 道 这 款 新 电 脑 什 么 时 候 出 厂 吗？

Do you know when this new model of computer will leave the factory?

xīn shǒu jī chū chǎng shí dōu pèi yǒu chōng diàn qì
新 手 机 出 厂 时 都 配 有 充 电 器。

New phones come with chargers when they leave the factory.

Trace each character, then write the word on your own.